

Báo cáo tài chính 2005

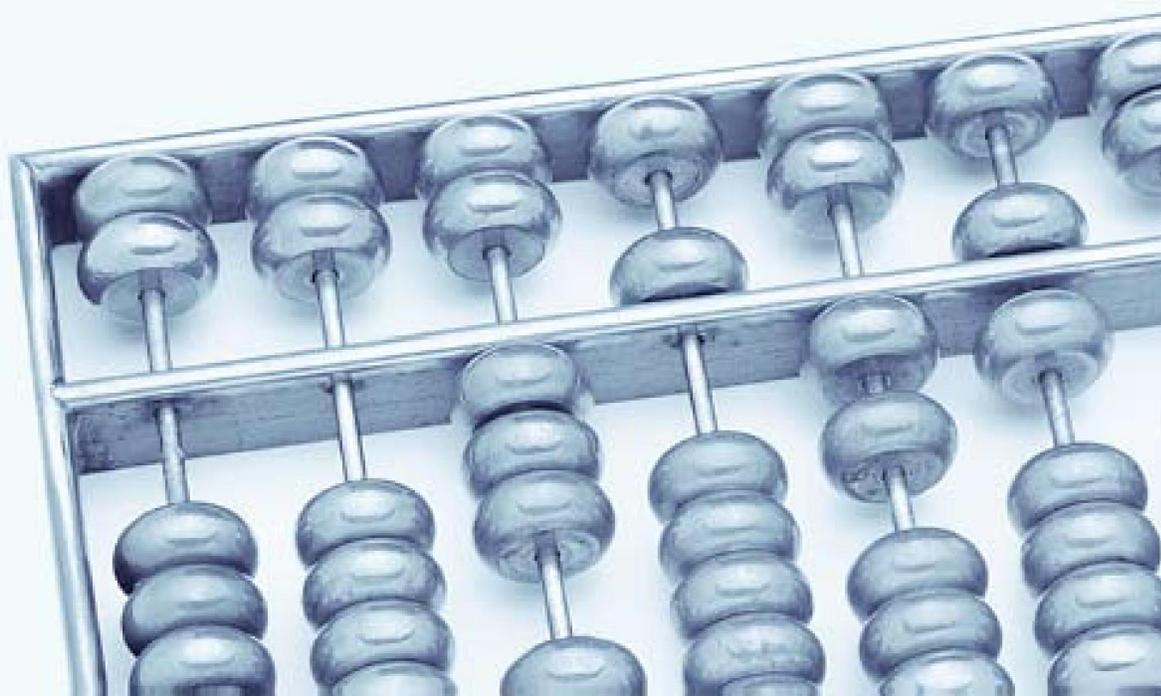
Báo cáo kiểm toán

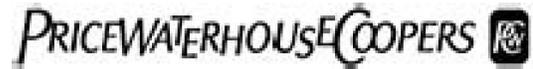
Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính





Báo cáo kiểm toán gửi các cổ đông của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) được trình bày từ trang 5 đến trang 33 kèm theo. Các báo cáo tài chính này được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành áp dụng cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi.

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán của họ phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2005 đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc các báo cáo tài chính này chưa ghi nhận một khoản phải trả 8.000 triệu đồng, một khoản thặng dư vốn cổ phần 5.800 triệu đồng và một khoản chi phí phát hành cổ phần 3.000 triệu đồng. Các số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 được trình bày chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin.

Cơ sở đưa ý kiến

Ngoại trừ những điều nêu trong đoạn dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại nước CHXHCN Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và tiến hành việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính này không có sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên nguyên tắc chọn mẫu, các bằng chứng chứng minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng mà Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn phạm vi kiểm toán

Chúng tôi được chỉ định làm kiểm toán viên của Ngân hàng vào ngày 22 tháng 12 năm 2005. Chúng tôi không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán thỏa đáng nhằm đạt đủ sự đảm bảo cho số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2005 đối với tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng. Chúng tôi cũng không thể đánh giá được sự đầy đủ và chính xác của số dư của các quỹ dự trữ cũng như không thể kết luận về các ảnh hưởng tiềm tàng đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 do các tiềm năng điều chỉnh đối với số dư đầu kỳ của tài sản và nợ phải trả.

Ý kiến ngoại trừ do giới hạn phạm vi kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các điều chỉnh có thể được cho là cần thiết nếu chúng tôi có thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thỏa đáng đối với các số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2005 như đã nêu ở đoạn trên thì xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Ian S. Lydall
Số Chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Chữ ký được ủy quyền



Lê Văn Hòa
Số Chứng chỉ KTV: 0248/KTV

CÔNG TY TNHH PRICEWATERHOUSECOOPERS (VIỆT NAM)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM1189
Ngày 24 tháng 4 năm 2006

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005

	2005	2004
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tài sản		
Tiền, kim loại quý và đá quý	645.391	752.690
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	105.646	55.813
Trái phiếu kho bạc và các giấy tờ có giá khác	100	2.000
Tiền gửi tại các ngân hàng nước ngoài	235.352	157.607
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước	1.745.998	1.144.051
Cho vay các tổ chức tín dụng trong nước	486.676	276.772
Cho vay và ứng trước cho khách hàng	6.433.155	5.016.738
Trừ: dự phòng rủi ro tín dụng	(5.466)	-
Đầu tư chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn	1.102.984	536.242
Đầu tư vào các đơn vị khác	39.866	14.247
Tài sản cố định hữu hình	91.385	89.391
Tài sản cố định vô hình	55.793	56.546
Xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định	11.948	1.549
Tài sản khác	420.405	163.731
Tổng cộng tài sản	11.369.233	8.267.377
Nợ phải trả		
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	329.248	194.031
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng trong nước	1.571.646	1.001.528
Vốn nhận từ Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác	56.072	75.408
Tiền gửi của khách hàng	8.352.111	6.297.038
Nợ khác	215.420	165.748
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.197	2.031
Tổng nợ phải trả	10.533.694	7.735.784
Vốn và các quỹ		
Vốn	715.396	515.396
Các quỹ dự trữ	105.790	16.197
Lợi nhuận chưa phân phối	14.353	-
Tổng vốn và các quỹ	835.539	531.593
Tổng cộng nguồn vốn	11.369.233	8.267.377
Các cam kết và nợ tiềm tàng	2.860.276	1.356.546



Tổng Giám đốc
Nguyễn Gia Định

Kế toán trưởng
Nguyễn Hồ Hoàng Vũ
Ngày 24 tháng 4 năm 2006

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2005**

	2005	2004
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản tương tự thu nhập lãi	657.710	382.847
Chi phí lãi và các khoản tương tự chi phí lãi	(441.838)	(254.181)
Thu nhập lãi ròng	215.872	128.666
Thu nhập từ các khoản phí và dịch vụ	55.758	50.582
Chi trả phí và dịch vụ	(30.384)	(25.990)
Thu phí và dịch vụ thuần	25.374	24.592
Thu cổ tức	1.922	3.562
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ	54.544	30.960
Thu nhập từ hoạt động khác	5.924	7.722
Thu nhập khác	62.390	42.244
Tiền lương và chi phí liên quan	(50.557)	(34.859)
Chi phí khấu hao	(13.106)	(9.575)
Chi phí hoạt động khác	(53.422)	(43.609)
Chi phí khác	(117.085)	(88.043)
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(212.078)	(108.721)
Thu nhập từ thu hồi các khoản nợ khó đòi	54.084	1.262
	(157.994)	(107.459)
Thu nhập trước thuế	28.557	-
thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.456)	-
lợi nhuận ròng trong năm	21.101	-



Tổng Giám đốc
Nguyễn Gia Định



Kế toán trưởng
Nguyễn Hồ Hoàng Vũ
Ngày 24 tháng 4 năm 2006

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

	2005	2004
	Triệu đồng	Triệu đồng
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
Lợi nhuận trước thuế	28.557	-
Điều chỉnh từ lợi nhuận trước thuế sang lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh:		
Khấu hao	13.106	9.619
Dự phòng rủi ro tín dụng	212.078	(211.287)
(Lãi)/lỗ do thanh lý tài sản cố định	(317)	2.899
Thu nhập lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	(98.867)	(61.711)
Thu cổ tức	(1.922)	(2.234)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của tài sản và công nợ kinh doanh	152.635	(262.714)
Giảm trái phiếu kho bạc và các giấy tờ có giá khác	1.900	-
(Tăng)/giảm tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước	(280.526)	41.849
(Tăng)/giảm cho vay các tổ chức tín dụng trong nước	(209.904)	43.192
(Tăng)/giảm cho vay và tạm ứng cho khách hàng	(1.416.417)	(999.574)
(Tăng)/giảm lãi dự thu	(92.723)	(21.460)
(Tăng)/giảm tài sản khác	(167.564)	68.138
Tăng/(giảm) tiền vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	135.217	11.743
Tăng/(giảm) tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng trong nước	570.118	314.268
Tăng/(giảm) nhận từ Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác	(19.336)	(10.893)
Tăng/(giảm) tiền gửi của khách hàng	2.055.073	1.220.938
Tăng/(giảm) lãi dự chi	57.955	2.102
Tăng/(giảm) các khoản công nợ khác	(214.347)	128.675
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp	572.081	536.264
Chi từ các quỹ dự trữ	-	7
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	572.081	536.271

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)**

	2005	2004
	Triệu đồng	Triệu đồng
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Mua sắm tài sản cố định	(25.328)	(30.013)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	19	7.020
Mua chứng khoán nợ	(566.742)	(1.484.156)
Tiền thu từ bán chứng khoán nợ hoặc từ chứng khoán nợ đáo hạn	-	1.112.074
Lãi thu từ chứng khoán nợ	98.867	61.711
Đầu tư vào các tổ chức khác	(25.619)	(345)
Thu cổ tức	1.922	2.234
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(516.881)	(331.476)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền thu do tăng vốn điều lệ	200.000	200.000
Thu thặng dư vốn cổ phần	86.500	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	286.500	200.000
Tăng tiền và các khoản tương đương tiền	341.700	404.795
Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tại ngày 1 tháng 1	2.017.389	1.612.594
Tiền và các khoản tương đương tiền		
tại ngày 31 tháng 12	2.359.089	2.017.389
Tiền và các khoản tương đương tiền gồm có:		
Tiền, kim loại quý và đá quý	645.391	752.690
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	105.646	55.813
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	1.608.052	1.208.886
	2.359.089	2.017.389



Tổng Giám đốc
Nguyễn Gia Định

Kế toán trưởng
Nguyễn Hồ Hoàng Vũ

Ngày 24 tháng 4 năm 2006